

## CHUYÊN MỤC

## VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

**ĐẶC ĐIỂM TRUYỆN ĐỒNG THOẠI CỦA TÔ HOÀI****LÊ NHẬT KÝ\***

*Truyện đồng thoại là một thành tựu quan trọng trong đời văn của Tô Hoài. Ngoài *Đế Mèn phiêu lưu ký* (1941), Tô Hoài còn có nhiều tác phẩm đồng thoại giá trị khác dành cho tuổi thơ. Đặc biệt là những truyện đồng thoại được nhà văn sáng tác trong giai đoạn cộng tác với Nhà xuất bản Tân Dân (trước 1945). Truyện đồng thoại của Tô Hoài giàu cảm hứng hiện thực, phong phú về bài học giáo dục và được diễn đạt bằng một thứ ngôn ngữ biểu cảm, đầy sáng tạo, luôn gây ấn tượng mạnh đối với người đọc. Ông là cây bút có ảnh hưởng mạnh mẽ tới phong trào sáng tác truyện đồng thoại ở Việt Nam trong thế kỷ XX.*

*Từ khóa:* Tô Hoài, truyện đồng thoại, loài vật, nhân cách hóa, *Đế Mèn phiêu lưu ký*.

*Ngày nhận bài:* 29/6/2016; *đưa vào biên tập:* 10/7/2016; *phản biện:* 28/7/2016; *duyet đăng:* 25/11/2016

### 1. HOẠT ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ QUAN NIỆM VỀ TRUYỆN ĐỒNG THOẠI CỦA TÔ HOÀI

Ở tuổi 20, Tô Hoài bước vào nghề văn, trình làng bằng tác phẩm *Nước lên trên* từ *Hà Nội tân văn* (1940). Năm sau, Tô Hoài được nhà viết kịch Vũ Đình Long, chủ nhà xuất bản Tân Dân mời viết truyện về con đế mèn để đăng lên từ *Truyện bá* chuyên dành cho thiếu nhi. Truyện *Con Đế Mèn*, một sáng tác đầu tiên cho thiếu nhi viết theo phong cách đồng thoại của Tô

Hoài đã ra đời trong hoàn cảnh ấy. Sau khi *Con Đế Mèn* được xuất bản (*Truyện bá*, số 3), thấy được khách, ông chủ nhà Tân Dân lại mời Tô Hoài tiếp tục cộng tác, viết *Đế Mèn phiêu lưu ký* và nhiều truyện khác cho thiếu nhi. Chỉ trong mấy năm ngắn ngủi trước Cách mạng tháng Tám (1945), Tô Hoài đã nổi danh là một nhà văn tài năng trong lĩnh vực văn học thiếu nhi.

Sau năm 1945, Tô Hoài tiếp tục gắn bó với văn học thiếu nhi. Ông sáng tác nhiều hơn các thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch – trong đó có truyện

\* Trường Đại học Quy Nhơn.

đồng thoại. Những đồng thoại của ông đều ra đời vào thập niên 1960, một giai đoạn đặc biệt trong lịch sử đương đại Việt Nam.

Tổng gộp lại, ở cả hai giai đoạn, Tô Hoài sáng tác được 29 truyện đồng thoại (không kể những tác phẩm đã thất lạc trước 1945). Cụ thể:

- Trước 1945: *Đế Mèn phiêu lưu ký*, *Võ sĩ Bọ Ngựa*, *Đám cưới chuột*, *Tré và Cóc*, *Mèo già hóa cáo*, *Hai con ngỗng*, *Ba anh em*, *Bốn con gà*, *Đê và Lợn*, *Mụ Ngan*...

- Sau 1945: *Chim Chích lạc rừng*, *Chèo Bèo đánh Quạ*, *Cá đi ăn thề*, *Những chuyện xa lạ*, *Vện ơi Vện*, *Ghi chép một ngày của Gà Nhép*...

Số lượng tác phẩm này chưa đủ đưa Tô Hoài trở thành nhà văn viết nhiều truyện đồng thoại nhất ở Việt Nam. Nhưng xét về chất lượng, theo Trần Đình Nam, đó là một “cống hiến độc đáo (...) vào văn học Việt Nam hiện đại nói chung, văn học thiếu nhi nói riêng”(1995: 37).

Tô Hoài sáng tác truyện đồng thoại bằng sự nhạy cảm của tài năng. Sau này, khi được hỏi về quá trình viết *Đế Mèn phiêu lưu ký*, ông cho biết: “Ngày ấy, tôi không cất nghĩa được cách viết. Nhưng dường như về sau tôi vẫn phát triển theo lối viết ấy. Tất nhiên, biết phân tích và chủ động hơn, có thể vỡ vạc ra được mỗi tư tưởng và phương pháp sáng tác” (1968: 50).

Ông thuộc số nhà văn không thích tuyên ngôn. Vì vậy, ở lĩnh vực đang bàn, ông chỉ có hai bài viết mang tính chất trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm

sáng tác: 1) *Trao đổi về đồng thoại* đăng trên báo *Văn nghệ* (1963); 2) *Tôi viết đồng thoại: Đế Mèn, Chim Gáy, Bò Nông* trên tạp chí *Văn học* (số 10/1968). Nội dung của hai bài viết này thể hiện mấy nét tư tưởng sau đây của nhà văn về truyện đồng thoại:

- Đồng thoại là một thể văn nhân cách hóa loài vật, lúc nào cũng thích hợp với trẻ em. Trong *Trao đổi về đồng thoại*, ông cho rằng, “truyện cho các em lấy loài vật làm “nhân vật”, lúc nào cũng thích hợp. Bởi vì, trước nhất, các em ở một lứa tuổi nào đó thích đọc loại truyện này. Nó giúp phát triển trí tưởng tượng, làm cho tâm hồn cao thượng và trí sáng tạo của các em càng mở mang” (1963: 12). Ở *Tôi viết đồng thoại: Đế Mèn, Chim Gáy, Bò Nông*, nhà văn nói rõ thêm: “Theo ý tôi, bất kỳ viết thể loại nào, viết cho các em cần đẹp, vui. Như vậy, đồng thoại là loại truyện có cơ hội tung hoành nhất về những mặt đó. Vốn đồng thoại đã lạ, và càng hấp dẫn, đồng thoại càng gợi cảm, càng đẹp, càng thơ” (1968: 50).

- Đồng thoại là cách trình bày tư tưởng cuộc sống sao cho “có việc, có ý nghĩ”. Trong *Tôi viết đồng thoại: Đế Mèn, Chim Gáy, Bò Nông*, ông có tới hai lần nói về điều này: “Tôi không viết đồng thoại vì băng quơ, vì tếu, vì muốn làm cho lạ, hoặc không vì lẽ gì hết (lối nghĩ lập dị của một số người viết thời ấy), bao giờ tôi cũng muốn đem vào đồng thoại một nội dung xã hội” (1968: 49); “Không, tôi chưa viết một mẫu đồng thoại nào không do

thực tế tư tưởng và đời sống của mình và xung quanh” (1968: 50).

- Về nhân vật, ông cho rằng, “điều quan trọng nhất là ‘nhân vật đờ’ biểu hiện tư tưởng gì”, đồng thời “không thoát ly sinh hoạt có thật của loài vật, không xa rời cái nhìn theo thói quen của các em” (1963: 12).

- Về độc giả, ông thể hiện cái nhìn linh động, phù hợp với quy luật vận động của văn học. Theo ông: “Một sáng tác hay cho các em cũng làm cho cả người lớn thấy hay. Các em và người lớn đều thu nhận được ở tác phẩm ấy những thông cảm cho mỗi lứa tuổi khác nhau, mà người lớn không cần phải giả làm trẻ em mới hiểu được” (1968: 49);

- Cuối cùng, để có cái vốn nhân cách hóa loài vật, nhà văn cho rằng cần phải dựa vào thực tế, hiểu biết sâu sắc về thế giới tự nhiên, “chính tư tưởng và vốn sống mạnh mẽ, phong phú hay yếu đuối, hời hợt đã quyết định cho sự xuất hiện hay hay dở của chữ nghĩa, truyện, nhân vật cùng những “bí quyết” của sáng tạo” (1968: 65).

Ý kiến trên đây của Tô Hoài là kết quả của những trải nghiệm và suy nghiệm về nghề nghiệp. Có thể nói, những gì ông đã trình bày dường như đã đụng chạm gần hết các vấn đề căn bản của thể loại truyện đồng thoại. Trong quan niệm của ông, đồng thoại là một thể văn hấp dẫn cả với người thường thức lẫn sáng tác. Nó cho phép nhà văn tung hoành trong sáng tạo, song nếu xa rời thực tế, xa rời những nhu

cầu chính đáng của bạn đọc thì đồng thoại sẽ đánh mất thế mạnh của mình, mất vị trí trong hệ thống văn học nói chung, văn học thiếu nhi nói riêng.

## 2. ĐẶC ĐIỂM TRUYỆN ĐỒNG THOẠI CỦA TÔ HOÀI

2.1. Truyện đồng thoại của Tô Hoài được sáng tác ở cả hai giai đoạn, trước và sau năm 1945. So sánh sáng tác ở hai giai đoạn này, chúng tôi thấy có sự tương đương về số lượng tác phẩm. Song về chất lượng, những đồng thoại trước năm 1945 chiếm ưu thế vượt trội. Một phần, chất lượng của các tác phẩm rất đồng đều, đặc sắc; phần nữa, có tác phẩm đã đạt tới tầm kiệt tác là *Đế Mèn phiêu lưu ký*. Trong khi đó, những đồng thoại sau năm 1945, ngoại trừ *Chim Chích lạc rừng*, dường như không gây được men say, ít đọng lại lâu dài trong tâm trí người đọc.

Tình trạng so le, thụt lùi nói trên, suy cho cùng, là do sau năm 1945 nhà văn chọn lối viết giản đơn, ít tình huống xung đột gay gắt và hình tượng nghèo tính biểu trưng. Chẳng hạn, truyện *Cá đi ăn thề*: Cảm hứng của truyện là ca ngợi thành tựu xây dựng nông thôn mới ở miền Bắc với biểu hiện là hình ảnh cái trạm bơm điện đưa nước vào cánh đồng Đan Hoài. Để diễn đạt điều này, nhà văn tạo ra một cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa đàn Rô Ron với cá Ngõo. Và sau cái ngạc nhiên, nghi ngờ của Rô Ron, tác giả đã đưa ngay câu trả lời vì sao cá Ngõo lại có mặt trên cánh đồng vào thời điểm tháng ba: “chính là cái bơm

điện đã hút các bác cá Ngao lên”. Nhìn chung, tình huống nói trên chưa đủ làm nên sức hấp dẫn cho tác phẩm. Một ví dụ khác, truyện *Chèo Bèo đánh Quạ*: tuy có xung đột gay gắt, nhưng thay vì miêu tả, nhà văn lại chuyển sang trích dẫn về Liễu Đồi khiến cho câu chuyện không được trần thuật một cách chi tiết, cụ thể... Cách làm này dường như không xuất hiện trong những truyện đồng thoại trước năm 1945.

Mặt khác, truyện đồng thoại của Tô Hoài trước năm 1945 thường hướng vào phản ánh những vấn đề thuộc về số phận, lý tưởng của con người trong một xã hội nhiều áp chế và bế tắc. Như chuyện nỗi khổ của vợ chồng Cóc nơi chốn công đường (*Tré và Cóc*), chuyện Dê và Lợn bỏ trốn (*Dê và Lợn*), đặc biệt là chuyện Dế Mèn, Dế Trũi (*Dế Mèn phiêu lưu ký*), Chuột Nhắt say mê, dần thân vì lý tưởng cuộc sống tốt đẹp... Những vấn đề này, xem ra, đã vượt ra khỏi khuôn khổ của một giai đoạn, một cộng đồng mà vươn tới tầm phổ quát. Nghĩa là, ngòi bút Tô Hoài đã chạm vào tầng sâu của kiếp nhân sinh, đã diễn đạt chúng bằng những hình tượng nghệ thuật giàu sức lôi cuốn và lay động trái tim người đọc. Có thể nói, truyện đồng thoại Tô Hoài trước năm 1945 được viết bằng một ngòi bút đang lúc “tinh anh phát tiết ra ngoài”, dồi dào ý tưởng, dồi dào cảm xúc và rất khéo léo trong từng hình thức biểu đạt.

Tô Hoài có lẽ là người hiểu hơn ai hết sức sáng tạo và giá trị của từng tác

phẩm của mình. Vì thế, với phong cách của một cây bút chuyên nghiệp, ông đã quyết định chuyển hướng ngòi bút sang những thể loại khác. Bộ ba tác phẩm *Đảo hoang*, *Nhà Chử* và *Nỏ thần* chính là kết quả của quyết định sáng suốt ấy.

2.2. Bài học giáo dục trong truyện đồng thoại của Tô Hoài rất phong phú, có những nét đặc sắc riêng. Tô Hoài cũng như nhiều nhà văn khác, trên thực tế, đã đề xuất rất nhiều bài học giáo dục khác nhau dành cho trẻ em. Trong vấn đề này, Tô Hoài thể hiện được vai trò tiên phong khi nhiều bài học đặt ra trong tác phẩm của ông đã được các nhà văn thế hệ sau tiếp nối, phát triển. Cụ thể, đó là bài học về tình cảm gia đình, về tình yêu lao động, về bảo vệ thiên nhiên, loài vật... Đáng chú ý, có một số bài học giáo dục mà cho đến nay gần như vẫn là “đặc sản” của truyện đồng thoại Tô Hoài.

Cụ thể, Tô Hoài thường hay nói tới những trò “nghịch ác” của con trẻ. Chúng ta thấy, ngay chương mở đầu *Dế Mèn phiêu lưu ký*, Tô Hoài đã đề cập tới việc Dế Mèn trêu chọc chị chim Cóc, dẫn đến cái chết oan ức của Dế Choắt. Trong *Mèo già hóa cáo*, hai nhân vật mèo Mimi và Tam Thế cũng bày đủ trò nghịch ngợm khiến cho chó Nhôm bị chủ đánh đòn tơi tả, còn hai con gà nhỏ lọt chân xuống sàn mà chết chẹt ở trong chuồng... Đối với Tô Hoài, nghịch ác là một trò đùa nguy hiểm, nhưng bản thân các em chưa ý thức được hậu quả nghiêm

trọng mà người khác phải gánh chịu. Trong khi mô tả, đánh giá sự việc, Tô Hoài luôn thể hiện cái nhìn nhân hậu, yêu thương và tin tưởng vào các nhân vật của mình. Như trường hợp Mimi và Tam Thể, ông nhìn thấy mối liên hệ giữa hành động nghịch ác với việc “mẹ chúng mùa đông năm ngoái mắc bệnh ho hen rồi từ trần”. Thành ra, “từ khi mẹ chúng chết, không được một lời dạy bảo nào”. Hay với trường hợp Dế Mèn, ông cho đó là sự “xốc nổi” của những kẻ mới lớn, cứ tưởng mình là “tài ba”. Khi đối mặt với sự thật, các nhân vật “nghịch ác” của ông đều sớm tỉnh ngộ, hối hận và biết tìm cách thay đổi tâm tính.

Một biểu hiện khác, đó là vấn đề lý tưởng cuộc sống. Vấn đề này được nhà văn thể hiện tập trung qua hai nhân vật Dế Mèn (*Dế Mèn phiêu lưu ký*) và Chuột Nhắt (*Đám cưới chuột*). Cả hai, tuy con đường lập thân có khác nhau, hoàn cảnh cuộc sống có khác nhau, nhưng khi được dẫn dắt bởi lý tưởng cuộc sống cao đẹp thì trở nên yêu đời, vui vẻ dấn thân vì sự tốt đẹp của mọi người. Hình ảnh cảm động trong câu chuyện này có lẽ là anh chàng Chuột Nhắt với cái chân bệnh tật nhưng lại “nhanh nhẹn trong mọi công việc”, chủ động vượt qua hoàn cảnh đáng thương hiện tại, từ bỏ lối ứng xử tầm thường và chỉ lo nghĩ tới những điều lớn lao...

Cũng có thể nói tới triết lý “làm bộ mãi thì đời làm bộ trả” trong *Đám cưới chuột*, thể hiện qua nhân vật tiểu thư Chuột Chù. Nhân vật này có đặc điểm

là “đồng đánh, khinh người”, theo đòi cha mẹ mà từ hôn chàng Chuột Nhắt. Kết cục, “tiểu thư Chuột Chù cũng héo hắt đi rồi chết già, chẳng ai buồn lấy, chẳng ai rước đi cho”. *Đám cưới chuột* là một câu chuyện về hôn nhân không thành, xuất phát từ việc quá đề cao ngoại hình mà bỏ qua thái độ cảm thông cần có. Nói chung, đó là một câu chuyện buồn do sự cố chấp của nhiều người, từ phu khiêng kiệu đến ông bà Viên ngoại, tiểu thư Chuột Chù và thậm chí là cả Chuột Nhắt. Nhân vật Chuột Chù có ý nghĩa phản tỉnh, nhắc nhở mỗi người cần bao dung hơn trong xử thế.

Nhìn chung, các thông điệp giáo dục của Tô Hoài được thể hiện chủ yếu trong các sáng tác trước năm 1945. Sau năm 1945, truyện đồng thoại Tô Hoài tập trung thể hiện các nội dung cảm hứng ngợi ca đối với sự nghiệp kháng chiến và xây dựng đất nước. Vì thế, thay vì cài đặt các bài học giáo dục thông thường, nhà văn muốn thông qua các cảm hứng lớn khơi dậy nơi các em lòng tự hào về dân tộc và đất nước.

2.3. Thế giới nhân vật của Tô Hoài bao gồm những con vật nhỏ bé, hầu hết gắn bó với tuổi thơ của nhà văn. Trong *Tôi viết đồng thoại: Dế Mèn, Chim Gáy, Bò Nông*, Tô Hoài nói rằng, “khi nghệ thuật đã đạt tới trình độ khắc họa được nội dung thì cái ghê cười khanh khách, con mèo thũ thỉ trò chuyện, ông trăng biết nói cũng gọi nhiều điều nghĩ ngợi đúng đắn cho mọi người” (1968: 50). Tuy thế,

ông vẫn “không thích viết cái ghế, cái bàn, đôi giày, những vật vô tri thành đồng thoại”(1968: 50). Đối tượng ưa thích của nhà văn chính là các con vật nơi xóm làng, đồng quê Nghĩa Đô của ông. Với ông, cánh bãi Cơm Thi bên kia sông Tô Lịch là cả một “thế giới kỳ ảo lạ lùng”. Đó là một thực tế đủ mạnh để mỗi lần cầm bút, ông “không cần nghĩ mãi mới ra mà nó đã nằm sẵn giữa say mê của mình” (1968: 48).

Thế giới nhân vật của Tô Hoài rất đa dạng, tồn tại và vận động trong không gian thôn dã. Chúng được nhà văn chú ý miêu tả ở những điểm nổi bật nhất, hoặc ngoại hình, hoặc tập tính tự nhiên, nên thường lưu được ấn tượng lâu dài trong tâm trí bạn đọc. Có nhiên, những nhân vật ấy còn được Tô Hoài phú cho một vài đường nét tính cách xã hội, như vợ chồng Tré thích con mà thiếu hiểu biết (*Tré và Cóc*), chàng Chuột Nhất giỏi chữ, làm thơ trả thù vật (*Đám cưới chuột*)... Có thể nói, Tô Hoài đã đạt được sự kết hợp hài hoà giữa tập tính tự nhiên giống loài và phong tục xã hội nên mỗi nhân vật của ông luôn dồi dào ý nghĩa và sức thuyết phục cao.

Ngoại trừ *Tré và Cóc* và *Chèo Bẻo đánh Quạ* vốn có nguồn gốc dân gian, các truyện còn lại của Tô Hoài dường như không đặt các nhân vật vào hai tuyến có tính chất đối kháng về giai cấp. Có lẽ, ông muốn đi sâu vào những xung đột đời thường để từ đó giúp bạn đọc có được quan niệm đúng đắn về cái thiện, cái ác, cái tốt,

cái xấu, cái hay, cái dở của con người.

Trong vấn đề xây dựng nhân vật, Tô Hoài cũng đạt được sự cân đối giữa kể và tả, giữa khắc họa ngoại hình, hành động và đời sống nội tâm. Nhìn chung, đến nay, thành tựu nhân vật của ông vẫn là một mẫu mực cho bất cứ ai muốn tìm kiếm thành công ở thể truyện đồng thoại. Ông ý thức sâu sắc về tầm quan trọng của nhân vật, vì thế, rất dụng công với từng hình tượng cụ thể. Ông đã thành công với rất nhiều nhân vật, đặc biệt là nhân vật Dế Mèn. Không phải ngẫu nhiên mà bấy lâu nay, bạn đọc triu mến gọi ông là “nhà văn Dế Mèn”. Định danh này là một cách ghi nhận về thành công xuất sắc của Tô Hoài trong lĩnh vực văn chương đồng thoại.

2.4. Phương thức miêu tả được khai thác thường xuyên, tạo cho lớp văn miêu tả có một vị trí thích đáng trong truyện đồng thoại của Tô Hoài. Như đã biết, một đặc điểm của truyện kể hiện đại cho thiếu nhi là quan tâm tới việc miêu tả nhân vật, miêu tả thiên nhiên và đời sống xã hội nhằm làm cho bức tranh hiện thực trở nên rõ nét, cụ thể hơn. Ở phương diện này, Tô Hoài đã chứng tỏ là một cây bút chuyên tâm, hứng thú và thành công trong việc miêu tả thiên nhiên và nhân vật loài vật.

Sở dĩ khẳng định như vậy là vì, lớp văn miêu tả xuất hiện ở hầu hết mọi tác phẩm của Tô Hoài. Nhà văn Vũ Ngọc Phan, ngay từ trước năm 1945, đã gọi những tác phẩm của Tô Hoài là

“những truyện tả chân về loài vật” (1994: 417). Đúng vậy, “tả chân loài vật” là một nét trội trong phong cách nghệ thuật của Tô Hoài. Ông có tài miêu tả một cách hiệu quả ở từng trang viết, từng tác phẩm. Sau này, trong các nghiên cứu về Tô Hoài, giới khoa học cũng đã thống nhất xem đó là biệt tài của nhà văn. Trong giáo trình *Văn học Việt Nam 1945 - 1975*, tập II, nhà nghiên cứu Trần Hữu Tá khẳng định: “Tô Hoài có khả năng quan sát tinh tế và nghệ thuật miêu tả linh động. Người, vật, thiên nhiên, cảnh sinh hoạt... tất cả đều hiện lên lung linh, sống động, nổi rõ cái “thần” của đối tượng và thường bằng bạc một chất thơ” (1990: 189).

Số lượng câu văn, đoạn văn miêu tả trong đồng thoại Tô Hoài rất nhiều, đủ lập thành một đề tài nghiên cứu phục vụ việc rèn luyện kỹ năng làm văn miêu tả cho học sinh trong nhà trường. Đơn cử:

- Tả Chuột Nhắt: “Cái thân mình chú dài không được bằng một ngón tay. Bốn chân như bốn cái tăm lùn cũn. Chiếc mõm nhọn hoắt, hai hàng râu cứng tủa sang hai bên. Đôi mắt chú nhỏ, nhưng lòi ra. Hấp háy, chớp chớp, nháy lia nháy lịa. Bởi vậy người ta đổ cho chú có tính gian” (*Đám cưới chuột*) (2005: 171).

- “Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây. Những bông thóc nếp mập và tươi ong óng, trĩu gù lưng xuống. Màu vàng san sát giải từ cánh đồng làng Nghĩa Đô mênh mông đến tận bờ tre làng Phú Gia” (*Đôi ri đá*) (2005: 358).

- “Hoa bóng nước ánh đồ hây cả mặt nước. Giống như cái chiếu hồng trải rục rỡ dưới tổ chim. Những chiếc lá tre xanh xanh đan thành những cái ô nhỏ che trên đầu. Ngoài kia, làn sương mỏng mơ màng” (*Chèo Bèo đánh Quạ*) (2005: 459)...

Nếu đi sâu nghiên cứu theo hướng so sánh, chúng ta sẽ thấy thiên nhiên và loài vật trong truyện đồng thoại của Tô Hoài được miêu tả nhiều mà ít khi gây cảm giác đơn điệu, trùng lặp. Bởi với mỗi đối tượng, nhà văn đều dày công quan sát, tìm hiểu cho đến khi thu nhận được những nhận xét riêng, có tác dụng làm bật lên thần thái của cảnh, vật. Trên cơ sở đó, ông mới tiến hành dựng chân dung nhân vật, phong cảnh...

2.5. *Đế Mèn phiêu lưu ký* là tác phẩm mở đầu, đồng thời cũng là đỉnh cao của truyện đồng thoại Việt Nam hiện đại. Thành tựu này, có thể xem là một đặc điểm về sự độc đáo của lịch sử thể loại. Trong văn học thiếu nhi Việt Nam, đến nay, quả chưa có thể loại nào đạt được kết quả tương tự.

Truyện *Đế Mèn phiêu lưu ký* thể hiện tập trung nhất những mặt mạnh của nhà văn Tô Hoài. Đó là tài năng quan sát tinh tế, óc nhận xét sắc sảo, hóm hỉnh; là biệt tài miêu tả phong tục, khả năng dựng cảnh bằng vài nét chấm phá mà cảnh vật vẫn hiện lên lung linh, sinh sắc. Đó là vốn ngôn ngữ phong phú, sáng tạo được phô diễn qua một lối văn trong sáng, giàu chất thơ. Đó còn là khả năng kết hợp khéo léo, sự thể hiện đồng thời các nội dung liên

quan tới nhiều đối tượng độc giả khiến cho nó vượt qua tình trạng đơn giản, tránh cho người đọc cảm giác hụt hẫng khi tiếp cận từng trang viết cụ thể...

Nhiều năm qua, nhà văn Tô Hoài và tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* không ngừng được tôn vinh. Từ đồng làng Nghĩa Đô, con đẻ của nhà văn đã đi ra với nhân loại, chia sẻ những vấn đề mà hầu hết mọi cộng đồng quan tâm. Thiết nghĩ, chúng ta có thể xây dựng nhân vật Đế Mèn thành một biểu tượng văn hóa, phản ánh những khao khát về tình nhân loại đại đồng và khả năng đối thoại để hóa giải xung đột, tháo gỡ ngòi nổ chiến tranh, kiểu như chú mèo máy Đôrêmon ở nền văn hóa Nhật Bản...

### 3. KẾT LUẬN

Tô Hoài là một hiện tượng đặc biệt của văn chương đồng thoại Việt Nam. Ông là người có công mở đầu, xác lập

đỉnh cao, đồng thời tạo được ảnh hưởng mạnh mẽ tới phong trào sáng tác văn học cho thiếu nhi. Bằng nhiều tác phẩm có giá trị, Tô Hoài đã chứng tỏ là một cây bút có phong cách nghệ thuật riêng. Ông chỉ viết về các con vật nhỏ bé, gần gũi; chú trọng miêu tả khiến cho đối tượng trước khi là một ẩn dụ về con người thì đã được bạn đọc cảm nhận đúng như một con vật trong thực tế. Sự kết hợp hài hoà giữa mặt tự nhiên và xã hội, giữa miêu tả và trần thuật, giữa giáo dục và giải trí cho thấy Tô Hoài rất khéo léo trong việc xử lý các yêu cầu của nghệ thuật đồng thoại. Những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn sáng tác của bản thân như sự quan sát, tìm hiểu tỉ mỉ đời sống loài vật, vấn đề tư tưởng... mà ông chia sẻ là bài học nghề nghiệp quý báu cho bất cứ ai mong muốn bước tiếp con đường ông đã đi và gửi hi vọng vào các thế hệ sau... □

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Tô Hoài. 1963. “Trao đổi về đồng thoại”. Báo Văn nghệ, số 13.
2. Tô Hoài. 1968. “Tôi viết đồng thoại: *Đế Mèn, Chim Gáy, Bò Nông*”. *Tạp chí Văn học*, số 10.
3. Tô Hoài. 2005. *Đế Mèn, Chim Gáy, Bò Nông* (Tuyển tập tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi). Hà Nội: Nxb. Kim Đồng.
4. Vũ Ngọc Phan. 1994. *Nhà văn hiện đại*, tập II (tái bản). TPHCM: Nxb. Văn học - Hội Nghiên cứu Giảng dạy văn học TPHCM.
5. Trần Đình Nam. 1995. “Nhà văn Tô Hoài”. *Tạp chí Văn học*, số 9.